TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 484/2019/HC-PT	
Ngày 22 - 7 - 2019	
V/v "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Vũ Ngọc Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 528/2018/TLPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 34/2018/HCST ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1684/2018/QĐPT ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm 1954 (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1963 (có mặt).

3. Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 358, tổ 06, khóm VX, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Th, bà Huỳnh Thị C và ông Huỳnh Văn U: Ông Phạm Văn R, sinh năm 1957 (vắng mặt, theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2018).

Địa chỉ: Số 10, đường LL, tổ 10, khóm CQ 3, phường Châu Phú B, thành phố CĐ.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2. Bà Lư Thị Th1, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 05, khóm VT, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày: Diện tích 68,2m^2, đất tọa lạc tại tổ 5, khóm VT, phường NS, thành phố CĐ có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị X. Ngày 07/12/2005, ông Nguyễn Văn T và bà Lư Thị Th1 được UBND thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H1198fE (giấy chứng nhận) đối với diện tích đất nêu trên. Ngày 28/4/2017, bà Huỳnh Thị C (đại diện các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn G và bà Nguyễn Thị X) khiếu nại UBND thành phố CĐ về việc cấp quyền sử dụng đất cho ông T và bà Th1. Ngày 28/6/2017, UBND thành phố CĐ ban hành Công văn số: 1809/UBND-NC về việc trả lời Đơn khiếu nại của bà C, có nội dung: Nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị X. Trong quá trình sử dụng, bà X đã chuyển nhượng phần đất này cho ông Chín T1 và bà Mười E. Ông T1 và bà E chuyển nhượng phần đất này cho ông Ngô Văn N. Ông N cho bà X ở tạm trên đất này. Sau đó, ông N chuyển nhượng tiếp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lư Thị Th1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà Th1 là đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật, nên không có cơ sở thu hồi giấy chứng nhận theo yêu cầu của bà C. Vì vậy, các ông Th, U và bà C khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho cho ông T, bà Th1; hủy Công văn số: 1809/UBND-NC.

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận cho ông T và bà Th1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định 777/2005/QĐ.UB ngày 30/3/2005 của UBND tỉnh An Giang và các quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm cấp giấy, nên UBND thành phố CĐ không có cơ sở để thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận nêu trên. Việc ban hành Công văn số: 1809/UBND-NC có nội dung giải quyết khiếu nại đối với việc cấp giấy chứng nhận là hợp pháp. Vì vậy, UBND và Chủ tịch UBND thành phố CĐ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người bị kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 34/2018/HCST ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 3, Điều

18 và khoản 1, Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Th, ông Huỳnh Văn U và bà Huỳnh Thị C đối với: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1198fE ngày 07/12/2005 do UBND thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ) cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lư Thị Th1; Công văn số: 1809/UBND-NC ngày 28/6/2017 của UBND thành phố CĐ về việc trả lời Đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 24/7/2018, người khởi kiện bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Văn Th, ông Huỳnh Văn U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà C giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xác nhận nhà, đất là của bà X (là mẹ ruột ông Th, ông U và bà C). Trước đây, bà C có biết việc bà X mua thiếu bột mì của bà E là đúng nhưng bà X không bán nhà đất cho bà E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Hồ sơ vụ án thể hiện bà X bán nền nhà, nền bếp cho bà E. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà Th1 là đúng pháp luật. Bà C, ông Th, ông U kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà C, ông Th, ông U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" và giải quyết là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Bà C, ông Th, ông U kháng cáo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/3/2005:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: UBND thị xã CĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà Th1 là đúng pháp luật.

[2.2] Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất là đất có nguồn gốc của bà X. Tại Tờ thỏa thuận ngày 04/8/1979, thể hiện: Bà X có bán cho bà Trương Thị E một nền nhà có tường trống và nền nhà bếp, giá chuyển nhượng 580 đồng. Lý do chuyển nhượng: Trừ vào tiền mua 124kg bột mỳ, giá 580 đồng. Văn bản trên được bà X ký tên, có người làm chứng là ông Trần Văn Th2, Ngô Văn N và con bà X là

Huỳnh Văn Th ký xác nhận, được Trưởng ban ấp và Công an xã VT xác nhận ngày 6/8/1979. Quá trình tố tụng, bà C xác nhận: Bà X có mua thiếu bột mỳ của bà E, lúc còn sống bà X có nói cho bà C biết do thiếu nợ nên đã bị lấy nhà trừ nợ. Như vậy, có căn cứ xác định bà X chuyển nhượng nền nhà, nền bếp cho bà E là có thật.

[2.3] Hồ sơ vụ án thể hiện: ông G (chồng bà X) chết ngày 4/6/1977, khi chuyển nhượng thì các bên chỉ chuyển nhượng nền nhà, nền bếp. Pháp luật đất đai tại thời điểm năm 1979 không quy định việc thừa kế quyền sử dụng đất. Bà X là người trực tiếp quản lý nhà đất nên có quyền chuyển nhượng cho bà E như đã thỏa thuận. Sau khi nhận chuyển nhượng, ngày 14/9/1979, bà E chuyển nhượng tiếp cho bà Nguyễn Thị A, giá 580 đồng, được Ban ấp xác nhận ngày 14/9/1979 và được Trưởng Công an xã xác nhận ngày 14/9/1979 (bút lục 85). Ngày 01/12/1992, ông N, bà A chuyển nhượng tiếp cho vợ chồng bà Th1, được Ban nhân dân tự quản xác nhận ngày 11/12/1992 và UBND xã xác nhận ngày 12/12/1992. Vợ chồng bà Th1 đã sử dụng phần đất trên hợp pháp từ ngày 12/12/1992 nên việc kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận là đúng quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

[3] Xét Công văn số 1809/UBND-NC: Ông Th, ông U, bà C khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận cho ông T, bà Th1. Chủ tịch UBND thị xã CĐ giải quyết khiếu nại trên là đúng pháp luật. Theo quy định tại Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011 thì việc giải quyết khiếu nại phải bằng quyết định nên việc Chủ tịch UBND thị xã CĐ ban hành công văn giải quyết khiếu nại là không đúng. Tuy nhiên, Công văn số 1809/UBND-NC mặc dù có vi phạm về hình thức văn bản nhưng về nội dung đã giải quyết khiếu nại của ông Th, ông U, bà C nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, ông U, bà C là có căn cứ. Tại phiên tòa, các đương sự cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, bác kháng cáo của ông Th, ông U, bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông U, bà C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, ông Th được miễn án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 21, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 50 Luật Đất đai 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Th, ông Huỳnh Văn U và bà Huỳnh Thị C.

2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 34/2018/HCST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Th, ông Huỳnh Văn U và bà Huỳnh Thị C yêu cầu hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1198E ngày 07/12/2005 do Ủy ban nhân dân thị xã CĐ (nay là thành phố CĐ) cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lư Thị Th1; Hủy Công văn số: 1809/UBND-NC ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố CĐ về việc trả lời Đơn khiếu nại của bà Huỳnh Thị C.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn U và bà Huỳnh Thị C, mỗi người phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003459 ngày 22/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, ông U, bà C, mỗi người còn phải nộp 150.000 *(Một trăm năm mươi ngàn)* đồng. Ông Huỳnh Văn Th được miễn án phí.

Án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn U và bà Huỳnh Thị C, mỗi người phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008795, 0008796 ngày 25/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; ông U, bà C đã nộp đủ.

Ông Huỳnh Văn Th được miễn án phí.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 22 tháng 7 năm 2019)./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh An Giang; (1)
- VKSND tỉnh An Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh An Giang; (1)
- Đương sự (4)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. 14 (án TTT)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Đức Phương